

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CỤC THÔNG TIN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUỐC GIA

HƯỚNG DẪN ĐIỀN PHIẾU THU THẬP THÔNG TIN
TIỀM LỰC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ NĂM 2014

(PHIẾU SỐ 03/ĐTTL-TCĐV/2014 ÁP DỤNG CHO CÁC TỔ CHỨC DỊCH VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ)

PHẦN I: THÔNG TIN CHUNG VỀ ĐƠN VỊ

Phần đầu phiếu

Tên đơn vị

Ghi tên đầy đủ của đơn vị như trong Quyết định thành lập hoặc trong Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động KH&CN. Không viết tắt các từ trong tên trừ khi đó là những từ viết tắt có trong tên của đơn vị.

Viết hoa chữ cái đầu tiên của từ đầu tiên và của từ đầu tiên của từng cụm từ. Ví dụ:

Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia

Viện Công nghệ Thông tin

Nếu tên đơn vị có chứa thành phần là tên riêng của người hoặc địa danh, viết hoa tất cả các chữ đầu tiên của tên riêng của người và địa danh. Ví dụ: *Trường Đại học Bách khoa Hà Nội*

Tên giao dịch viết tắt (nếu có):

Ghi tên viết tắt thường được sử dụng trong giao dịch. Nếu tên giao dịch được viết bằng các chữ cái đầu của các từ của tên thì viết các chữ cái bằng chữ in hoa và không để khoảng trống ở giữa chúng. Ví dụ:

NASATI

IOIT

Không dùng dấu chấm để phân cách các chữ cái viết tắt (N.A.S.A.T.I, I.O.I.T).

Địa chỉ:

Ghi tách thành:

- Số nhà, đường phố, phường, quận/huyện hoặc thôn, xã, huyện;

- Tỉnh, Thành phố trực thuộc Trung ương.

Ví dụ: Cục Thông tin KH&CN quốc gia

Địa chỉ: 24 Lý Thường Kiệt, Hoàn Kiếm

Tỉnh/Tp: Hà Nội

Đối với tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, không ghi thêm chữ tỉnh hoặc Tp. (hoặc Thành phố) trừ trường hợp Thành phố Hồ Chí Minh. Ví dụ: *Hà Nội*

Tp. Hồ Chí Minh

Ví dụ: Trung tâm Thông tin KH&CN Tp. Hồ Chí Minh

Địa chỉ: 79 Trương Định, Quận 1

Tỉnh/Tp: Tp. Hồ Chí Minh (Không ghi: Hồ Chí Minh)

Điện thoại và **fax**: ghi cả mã vùng và số điện riêng. Phân cách mã vùng và số điện thoại/fax bằng dấu gạch ngang. Không cần phân cách các số thành các nhóm số. Ví dụ:

04-39349923 không ghi 04-3934 9923 hoặc 04-3934-9923

063-33822191

Email: Ghi địa chỉ Email của cơ quan nếu có. Trường hợp không có email chung của cơ quan, ghi địa chỉ email của Thủ trưởng đơn vị. Ví dụ: *lxding@vista.gov.vn*

Website: Ghi địa chỉ trang thông tin điện tử của đơn vị báo cáo nếu có. Ví dụ: *http://www.vista.vn*

1. Thông tin về thủ trưởng đơn vị

Ghi rõ họ và tên của thủ trưởng cơ quan, người đứng đầu đơn vị. Đánh dấu vào trình độ, chức danh phù hợp và ghi đầy đủ thông tin liên hệ.

2. Thành phần kinh tế

Đánh dấu X vào 1 thành phần kinh tế phù hợp nhất.

1.Công lập 2.Ngoài công lập 3.Có vốn đầu tư nước ngoài

3. Tên cơ quan cấp trên trực tiếp

Ghi tên đơn vị/tổ chức cấp trên trực tiếp quản lý của đơn vị báo cáo. Ví dụ, nếu đơn vị báo cáo là Viện Công nghệ Sinh học thuộc Viện KH&CN Việt Nam, thì ghi cơ quan quản lý trực tiếp là Viện KH&CN Việt Nam.

Ví dụ, Viện Nghiên cứu Hạt nhân thuộc Viện Năng lượng Nguyên tử Việt Nam, Bộ KH&CN, thì cơ quan quản lý trực tiếp của Viện nghiên cứu hạt nhân là Viện Năng lượng Nguyên tử Việt Nam.

4. Bộ, ngành/Địa phương chủ quản

Nếu đơn vị báo cáo thuộc Bộ/ngành, Toà án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao thì ghi tên Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Toà án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao là chủ quản của đơn vị đó. Ví dụ:

Bộ Khoa học và Công nghệ
Bộ Công thương
Toà án nhân dân tối cao
Viện Kiểm sát nhân dân tối cao

Nếu đơn vị báo cáo là do tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương quản lý, ghi: UBND và tên tỉnh hoặc Tp. trực thuộc Trung ương chủ quản. Ví dụ:

UBND Hà Nội
UBND Tp. Hồ Chí Minh
UBND Hà Nam

Nếu là thuộc cơ quan trung ương của tổ chức chính trị, chính trị-xã hội, xã hội-nghề nghiệp thì ghi tên cơ quan trung ương của tổ chức đó. Ví dụ:

Tổng liên đoàn Lao động Việt Nam
Trung ương Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh
Liên hiệp các hội khoa học và kỹ thuật Việt Nam

Nếu cơ quan chủ quản là tập đoàn, tổng công ty Nhà nước trực thuộc Chính phủ, ghi tên tập đoàn, tổng công ty chủ quản.

5. Chuyển đổi theo cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm

Nếu đã thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm thì chọn 01 trong 03 cơ chế phù hợp nhất của đơn vị: Đã chuyển đổi thành tổ chức KH&CN tự trang trải kinh phí theo Nghị định 115/2005/NĐ-CP, Đã được phê duyệt hoạt động theo khoản 3 - Điều 4 Nghị định 115/2005/NĐ-CP, Đã thực hiện theo Nghị định 43/2006/NĐ-CP.

Nếu chưa chuyển đổi, thực hiện cơ chế nào thì đánh dấu X vào mục Chưa chuyển đổi.

6. Mô tả lĩnh vực nghiên cứu của đơn vị

Mô tả ngắn gọn lĩnh vực hoạt động của đơn vị theo mã ngành cấp 2 trong Bảng phân loại Lĩnh vực nghiên cứu KH&CN ban hành kèm theo Quyết định số 12/2008/QĐ-BKH&CN. Nếu có nhiều lĩnh vực nghiên cứu, xin cho biết tỷ trọng theo kinh phí sử dụng của từng lĩnh vực trong toàn bộ hoạt động KH&CN (Chú ý: Tổng tỷ trọng phải là 100%). Tham khảo Bảng phân loại lĩnh vực nghiên cứu KH&CN cấp 2 ban hành theo Quyết định số 12/2008/QĐ-BKH&CN của Bộ trưởng Bộ KH&CN tại phần Phụ lục.

Mã lĩnh vực do cơ quan thống kê ghi.

7. Loại hình hoạt động KH&CN chính của đơn vị

Ghi loại hình nghiên cứu chính của đơn vị. Nếu thực hiện nhiều loại hình, xin cho biết tỷ trọng tính dựa theo kinh phí sử dụng giữa các loại hình (Chú ý: Tổng tỷ trọng của các loại hình phải là 100%).

- *Nghiên cứu khoa học* là hoạt động khám phá, phát hiện, tìm hiểu bản chất, quy luật của sự vật, hiện tượng tự nhiên, xã hội và tư duy; sáng tạo giải pháp nhằm ứng dụng vào thực tiễn. Nghiên cứu khoa học bao gồm: Nghiên cứu cơ bản và nghiên cứu ứng dụng.

+ *Nghiên cứu cơ bản* là hoạt động nghiên cứu nhằm khám phá bản chất, quy luật của sự vật, hiện tượng tự nhiên, xã hội và tư duy.

+ *Nghiên cứu ứng dụng* là hoạt động nghiên cứu vận dụng kết quả nghiên cứu khoa học nhằm tạo ra công nghệ mới, đổi mới công nghệ phục vụ lợi ích của con người và xã hội.

- *Phát triển công nghệ* là hoạt động sử dụng kết quả nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu ứng dụng, thông qua việc triển khai thực nghiệm và sản xuất thử nghiệm để hoàn thiện công nghệ hiện có, tạo ra công nghệ mới. Phát triển công nghệ bao gồm triển khai thực nghiệm và sản xuất thử nghiệm.

+ *Triển khai thực nghiệm* là hoạt động ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ để tạo ra sản phẩm công nghệ mới ở dạng mẫu.

+ *Sản xuất thử nghiệm* là hoạt động ứng dụng kết quả triển khai thực nghiệm để sản xuất thử nhằm hoàn thiện công nghệ mới, sản phẩm mới trước khi đưa vào sản xuất và đời sống.

- *Dịch vụ khoa học và công nghệ* là hoạt động phục vụ, hỗ trợ kỹ thuật cho việc nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; hoạt động liên quan đến sở hữu trí tuệ, chuyển giao công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, đo lường, chất lượng sản phẩm, hàng hóa, an toàn bức xạ, hạt nhân và năng lượng nguyên tử; dịch vụ về thông tin, tư vấn, đào tạo, bồi dưỡng, phổ biến, ứng dụng thành tựu khoa học và công nghệ trong các lĩnh vực kinh tế - xã hội.

8. Danh sách các đơn vị/ tổ chức trực thuộc có tư cách pháp nhân

Nếu đơn vị có nhiều đơn vị trực thuộc có tư cách pháp nhân đề nghị lập bảng kê các đơn vị trực thuộc riêng đính kèm.

Ghi tên đơn vị trực thuộc có tư cách pháp nhân, họ và tên của thủ trưởng đơn vị trực thuộc có tư cách pháp nhân.

Ví dụ, nếu đây là báo cáo của Viện Ứng dụng Công nghệ thuộc Bộ KH&CN, danh sách các đơn vị trực thuộc có tư cách pháp nhân có thể gồm:

STT	Tên đơn vị trực thuộc có tư cách pháp nhân	Họ và tên thủ trưởng	Địa chỉ, Điện thoại, Fax, Email
1	Trung tâm Công nghệ Laser	Trần Ngọc Liêm	04-38543117; 0904xxxxxx
2	Trung tâm Công nghệ vi điện tử và tin học	Trần Xuân Hồng	04-3554062; 0913xxxxxx
3	Trung tâm Vật liệu Quang điện tử	Đặng Xuân Cự	04-38549425; 0983xxxxxx
..

PHẦN II: THÔNG TIN VỀ NHÂN LỰC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

2.1. Tổng số nhân lực của đơn vị

Là tổng số nhân lực của đơn vị có vào thời điểm 31/12/2013, trong đó ghi cụ thể số nữ và số nhân lực có trình độ cao đẳng trở lên.

Ghi tổng số nhân lực, số nữ và số nhân lực có trình độ từ cao đẳng trở lên theo tình trạng tuyển dụng bao gồm: cán bộ trong biên chế/được thi tuyển hoặc xét tuyển và tình trạng tuyển dụng khác.

Số liệu ở cột (1) của từng chỉ tiêu phải bằng tổng số liệu của các cột (2) và (3).

2.2. Nguồn nhân lực có trình độ từ cao đẳng trở lên của đơn vị chia theo trình độ chuyên môn

Bảng này chỉ ghi toàn bộ nhân lực, số nhân lực nữ và số nhân lực thuộc dân tộc ít người có trình độ chuyên môn từ cao đẳng trở lên có tại thời điểm 31/12/2013. (Số liệu ở dòng Số nhân lực có trình độ từ cao đẳng trở lên của cột 1 Mục 2.1)

Chia theo trình độ chuyên môn bao gồm 4 trình độ: Tiến sĩ; Thạc sĩ; Đại học; Cao đẳng;

Trong đó chia theo chức danh GS, PGS: Chỉ tính những người có chức danh Giáo sư và Phó giáo sư.

Số liệu ở cột (1) của từng chỉ tiêu phải bằng tổng số liệu của các cột (2), (3), (4) và (5).

Chú ý: Đối với nhân lực có trình độ tiến sĩ/tiến sĩ khoa học, đề nghị lập danh sách chi tiết theo mẫu đính kèm Phiếu điều tra

PHẦN III: THÔNG TIN VỀ NGUỒN LỰC TÀI CHÍNH

Số liệu tại thời điểm 31/12/2013.

Đơn vị tính: Triệu đồng.

3.1. Tổng thu của đơn vị

Tổng thu của đơn vị chia theo nguồn thu gồm 4 loại:

- Do Ngân sách nhà nước cấp bao gồm từ ngân sách Trung ương bao gồm kinh phí cân đối từ Bộ KH&CN và từ các Bộ ngành và từ ngân sách địa phương là nguồn được cân đối từ ngân sách của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

- Thu từ phí, lệ phí; Phí lệ phí được để lại theo quy định

- Thu từ nguồn ngoài ngân sách nhà nước bao gồm:

+ Thu từ hoạt động KH&CN, chuyên giao công nghệ

+ Thu từ hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

- Thu từ viện trợ không hoàn lại, ODA, nguồn nước ngoài khác.

Đối với mỗi nguồn thu đều được phân thành 2 loại: Từ nguồn KH&CN (bao gồm nguồn đầu tư phát triển cho KH&CN và nguồn sự nghiệp KH&CN) và từ nguồn khác.

Số liệu ở cột (1) của từng chỉ tiêu phải bằng tổng số liệu của các cột (2) và (3).

Không ghi số liệu vào những ô đánh dấu "X".

3.2. Tổng chi của đơn vị

Tổng chi của đơn vị được chia theo các khoản chi:

- Chi cho KH&CN là toàn bộ kinh phí thực chi của đơn vị để thực hiện hoạt động KH&CN;

- Chi khác bao gồm: Chi hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ;

3.3. Chi cho KH&CN chia theo nguồn cấp kinh phí

Nguồn cấp kinh phí được chia thành 3 nguồn:

- Ngân sách nhà nước bao gồm: ngân sách trung ương và ngân sách địa phương;

- Ngoài ngân sách nhà nước bao gồm: từ các doanh nghiệp và từ trường đại học, đơn vị sự nghiệp khác và nguồn ngoài NSNN khác;

- Nước ngoài.

3.4. Chi phí cho KH&CN theo loại chi

Chi phí cho KH&CN theo loại chi bao gồm 3 loại:

- Chi đầu tư phát triển là khoản chi cho việc xây dựng cơ bản và phát triển cơ sở hạ tầng từ nguồn vốn đầu tư phát triển của ngân sách nhà nước cho KH&CN.

- Chi thường xuyên cho KH&CN bao gồm:

+ Chi quỹ lương và hoạt động bộ máy là tiền lương, tiền công, phụ cấp, các khoản đóng góp theo lương và chi hoạt động bộ máy;

+ Chi hoạt động theo chức năng là kinh phí được cấp để thực hiện những nhiệm vụ thường xuyên được giao theo chức năng; Trong khoản chi này, không tính khoản chi cho thực hiện các đề tài nghiên cứu;

+ Chi thực hiện nhiệm vụ KH&CN là những khoản chi để thực hiện các đề tài, dự án: cấp nhà nước; cấp Bộ; cấp Tỉnh/Thành phố; Nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở và Nhiệm vụ KH&CN khác;

+ Chi tăng cường năng lực nghiên cứu là khoản chi mua sắm mới trang thiết bị nghiên cứu, sửa chữa, nâng cấp phòng thí nghiệm, trạm trại...;

+ Chi sửa chữa chống xuống cấp;

+ Chi hợp tác quốc tế.

- Chi khác: ghi kinh phí từ các nguồn sự nghiệp khác mà tổ chức được thụ hưởng để triển khai hoạt động khoa học công nghệ (như từ nguồn ngân sách bảo vệ môi trường, giáo dục và đào tạo, sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp văn hóa, thể thao, du lịch, v.v.).

Đối với mỗi loại chi đều được phân thành 2 loại: Từ nguồn KH&CN và nguồn khác.

PHẦN IV: CƠ SỞ HẠ TẦNG VÀ TIỀM LỰC KHÁC

4.1. Trụ sở, đất đai, nhà xưởng (Diện tích đất được giao quyền sử dụng có tại thời điểm 31/12/2013)

- Tổng số diện tích công sở/phòng thí nghiệm/nhà xưởng của tổ chức;
- Tổng diện tích đất đang sử dụng trong đó có:
 - + Đất sử dụng cho trụ sở làm việc;
 - + Đất sử dụng cho phòng thí nghiệm, trạm trại;
 - + Diện tích đất khác.

Đơn vị tính là mét vuông (m²)

4.2. Giá trị còn lại của tài sản cố định

Giá trị còn lại của tài sản cố định bằng nguyên giá tài sản cố định (hay giá trị ban đầu) trừ giá trị hao mòn (số khấu hao cơ bản đã trích) của chúng trong quá trình sử dụng.

Ghi tổng giá trị tài sản cố định, chia theo loại tài sản cố định bao gồm:

- Nhà cửa, vật kiến trúc: là các công trình xây dựng cơ bản như nhà cửa, vật kiến trúc, hàng rào, bể, tháp nước, sân bãi, các công trình trang trí thiết kế cho nhà cửa, các công trình cơ sở hạ tầng như đường sá, cầu cống, đường sắt, cầu tàu, cầu cảng . . .;

- Máy móc, thiết bị bao gồm những máy móc chuyên dùng, máy móc, thiết bị công tác, dây chuyền công nghệ và những máy móc đơn lẻ;

- Phương tiện vận tải, truyền dẫn gồm phương tiện vận tải đường bộ, đất, thủy, sông, hàng không, đường ống và các thiết bị truyền dẫn (Thông tin, điện nước, băng chuyền tải vật tư, hàng hoá);

- Tài sản cố định khác bao gồm các loại TSCĐ khác chưa phản ánh ở các mục trên (Như tác phẩm nghệ thuật, sách chuyên môn kỹ thuật. . .).

Đối với mỗi loại tài sản cố định phải ghi rõ Giá trị còn lại tại thời điểm 01/01/2013 và Giá trị còn lại tại thời điểm 31/12/2013.

Đơn vị tính: triệu đồng.

4.3. Thông tin khoa học và công nghệ

Bao gồm:

- Nguồn lực thông tin (có đến 31/12/2013) gồm có:

- + Số lượng bản sách KH&CN có trong thư viện;
- + Số lượng (đầu tên) tạp chí KH&CN (trong nước) - Bản in;
- + Số lượng (đầu tên) tạp chí KH&CN (quốc tế) - Bản in;
- + Số lượng (đầu tên) tạp chí điện tử KH&CN được mua quyền truy cập trực tiếp từ nhà cung cấp nước ngoài;
- + Số lượng CSDL về KH&CN được xây dựng bởi đơn vị;
- + Số biểu ghi có trong các CSDL về KH&CN;
- + Số đầu tên tạp chí, ấn phẩm nhằm phổ biến tiến bộ, ứng dụng KH&CN;
- + Số cán bộ làm công tác thông tin, thư viện KH&CN (Có tại thời điểm 31/12/2013);
- + Số lần tham gia hội chợ/Techmart/trình diễn công nghệ đã tham gia trong năm;
- + Số loại sản phẩm, công nghệ tham gia hội chợ trong năm.

- Hạ tầng thông tin KH&CN (Có tại thời điểm 31/12/2013) gồm có:

- + Số lượng máy chủ;
- + Băng thông đường truyền Internet, đơn vị tính Megabit trên giây;
- + Năng lực lưu trữ dữ liệu, đơn vị tính Giga Byte;
- + Số lượng máy tính cá nhân;

4.4. Tài sản trí tuệ (Có đến 31/12/2013)

Tài sản trí tuệ bao gồm:

- Số bằng độc quyền sáng chế của đơn vị;
- Số bằng độc quyền giải pháp hữu ích của đơn vị;
- Số bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp của đơn vị;
- Số bằng bảo hộ giống cây trồng của đơn vị;
- Số sáng kiến được công nhận của đơn vị;
- Giá trị chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp của tổ chức cho bên khác trong năm;
- Số lượng chương trình máy tính được cấp văn bằng bảo hộ;
- Số sản phẩm, công nghệ đã được ứng dụng trong thực tiễn.

4.5. Các trang thiết bị thí nghiệm có giá trị lớn (từ 300 triệu đồng trở lên) có đến 31/12/2013

Ghi rõ tên thiết bị, mã/model trang thiết bị, nước sản xuất, năm sản xuất, năm đưa vào sử dụng, nguyên giá (đơn vị tính là triệu đồng).